TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. QUY NHƠN - T. BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73A/2022/KDTM-ST
Ngày 24 - 6 - 2022
V/v Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huy Huệ
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Ngọc Đông
2. Ông Nguyễn Văn Sỹ

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trịnh Trần Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn.

- ***Đại diện VKSND Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn - tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2022/TLST-KDTM ngày 12 tháng 01 năm 2022 về "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2022/QĐXXST-KDTM ngày 12/4/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: **Công ty TNHH G**
Trụ sở: 672 đường Đ, thành phố QN, tỉnh BĐ.
Người đại diện theo pháp luật: Bà **Phạm Thị H** - Giám đốc Công ty.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Đình N** - Phó giám đốc Công ty.
(Theo văn bản ủy quyền ngày 29/11/2021). *Có mặt*
2. *Bị đơn*: **Công ty TNHH A**
Trụ sở: Khu phố L, phường N, thị xã HN, tỉnh BĐ.
Người đại diện theo pháp luật: Bà **Bùi Thị H** - Giám đốc Công ty.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Hữu N**, sinh năm: 1985
Địa chỉ: Khu phố H, phường N, thị xã HN, tỉnh BĐ.
(Theo văn bản ủy quyền số ngày 01/6/2022). *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn Công ty TNHH G do ông Trần Đình N là người đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Trước đây giữa Công ty TNHH G (gọi tắt là Công ty G) và Công ty TNHH A (gọi tắt là Công ty A) có mối quan hệ làm ăn mua bán với nhau nhưng đã thanh toán dứt điểm.

Từ ngày 20/12/2020 đến ngày 30/12/2020 Công ty G và Công ty A tiếp tục ký kết hợp đồng kinh tế số 20122020/HĐKT/KHANHAN-GREENTECH ngày 20/12/2020, trị giá 12.950.000đồng, trong hợp đồng thỏa thuận giao tiền trước nhận hàng sau. Tuy nhiên, sau đó hai bên thỏa thuận miệng giao hàng trước, gộp các đơn hàng viết hóa đơn, chuyển tiền sau; Hợp đồng mua bán số 28122020/HĐKT/GTSOLAR-KHANHAN ngày 28/12/2020, trị giá 264.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 0,1%/ngày nếu Công ty A không thanh toán tiền hàng trước ngày 05/01/2021. Cùng ngày, Công ty A đã ứng trước số tiền 100.000.000đồng do ông Nguyễn Hữu N - Phó giám đốc công ty A chuyển vào tài khoản cá nhân của ông Trần Đình N - Phó giám đốc Công ty G nên giá trị còn lại của hợp đồng là 164.000.000đồng và Hợp đồng mua bán số 30122020/HĐKT/GTSOLAR-KHANHAN ngày 30/12/2020, trị giá 74.300.000đồng, lãi suất thỏa thuận 0,1%/ngày nếu Công ty A không thanh toán tiền hàng trước ngày 05/01/2021. Ngày 28/12/2021, Công ty G đã xuất hóa đơn tổng giá trị của 03 hợp đồng là 351.250.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền còn nợ lại của 03 hợp đồng là 251.250.000đồng, Công ty G đã nhiều lần liên hệ nhưng công ty A vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa, Công ty G tự nguyện rút yêu cầu đối với hợp đồng kinh tế số 20122020/HĐKT/KHANHAN-GREENTECH ngày 20/12/2020, trị giá 12.950.000 đồng và giảm lãi suất chậm thanh toán theo hợp đồng từ 0,1%/ngày còn 0,055%/ngày. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty A phải trả số tiền 308.550.840 đồng; Trong đó: Nợ gốc là 238.300.000 đồng, nợ lãi phát sinh từ ngày 05/01/2021 đến ngày 24/6/2022 là 70.250.840đồng. Đồng thời, bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi chậm thanh toán cho đến khi thi hành án xong.

**** Bị đơn Công ty TNHH A:***

Tại phiên tòa, Công ty A do ông Nguyễn Hữu N – người đại diện theo ủy quyền Công ty vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, theo bản khai ngày 17/3/2022 ông N thống nhất Công ty A có ký 03 Hợp đồng mua bán với Công ty G, thời gian ký kết, nội dung và giá trị hợp đồng như đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày. Công ty thống nhất giá trị của 3 hợp đồng là 315.250.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty A đã trả tiền mặt và chuyển khoản đầy đủ cho nguyên đơn vào các ngày 20, 28 và 30/12/2020 nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 244 BLTTDS; các Điều 351, 353, 357, 468 Bộ luật dân sự

2015; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty G buộc công ty A phải thanh toán cho công ty G số tiền chưa thanh toán theo các hợp đồng mua bán ngày 28 và 30/12/2020 là 238.300.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 05/01/2021 đến ngày 24/6/2022 là 70.250.840 đồng; Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của công ty G yêu cầu công ty A thanh toán tiền mua bán hàng theo Hợp đồng kinh tế số 20122020/HĐKT/KHANHAN-GREENTECH ngày 20/12/2020 trị giá 12.950.000 đồng; Không chấp nhận lời khai của Công ty A về việc đã thanh toán đầy đủ cho Công ty G theo 03 hợp đồng đã ký kết vào ngày 20, 28 và 30/12/2020 vì không có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Công ty A vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án (điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự).

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Công ty G và Công ty A có ký kết 02 Hợp đồng mua bán hàng hóa thiết bị lắp đặt Pin năng lượng mặt trời, cụ thể số 28122020/HĐKT/GTSOLAR-KHANHAN ngày 28/12/2020, trị giá 264.000.000 đồng và số 30122020/HĐKT/GTSOLAR-KHANHAN ngày 30/12/2020, trị giá 74.300.000 đồng. Tổng giá trị của 02 Hợp đồng là 338.300.000 đồng. Về nội dung và hình thức 02 Hợp đồng mua bán trên phù hợp với quy định của pháp luật nên giao dịch này hợp pháp.

[2.2] Tại phiên tòa hôm nay, Công ty G tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với Hợp đồng mua bán số 20122020/HĐKT/KHANHAN-GREENTECH ngày 20/12/2020, trị giá 12.950.000đồng. HĐXX xét thấy việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn (theo khoản 2 Điều 244 BLTTDS).

[2.3] Theo Bản khai ngày 17/3/2022, người đại diện theo ủy quyền của Công ty A thống nhất thời gian, địa điểm ký kết 03 hợp đồng và giá trị từng hợp đồng như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng đã trả tiền mặt và chuyển khoản đầy đủ cho nguyên đơn vào các ngày 20, 28 và 30/12/2020 nhưng khi trả tiền không có biên lai giao nhận tiền. Bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai của bị đơn là có căn cứ và hợp pháp. Vì vậy, HĐXX không có cơ sở để chấp nhận.

[2.4] Nguyên đơn công nhận bị đơn có chuyển khoản trả 100.000.000 đồng theo hợp đồng số 28122020/HĐKT/GTSOLAR-KHANHAN ngày 28/12/2020, số tiền còn nợ lại 238.300.000 đồng. Nguyên đơn nhiều lần yêu cầu thanh toán dứt điểm nhưng bị đơn không thanh toán là vi phạm thỏa thuận mà hai bên đã cam kết. Vì vậy, Công ty G đã khởi kiện yêu cầu Công ty A trả số tiền gốc 238.300.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[2.5] Theo hợp đồng số 28122020/HĐKT/GTSOLAR-KHANHAN ngày 28/12/2020 và số 30122020/HĐKT/GTSOLAR-KHANHAN ngày 30/12/2020 mà hai bên đã thỏa thuận lãi suất nếu không thanh toán tiền hàng trước ngày 05/01/2021 là 0,1%/ngày, tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện giảm lãi suất còn 0,055%/ngày. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Như vậy, tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 05/01/2021 đến ngày 24/6/2022 là 238.300.000 đồng x 0,055%/ngày x 536 ngày = 70.250.840 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là 308.550.840 đồng.

[3] Về án phí KDTM sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Công ty A phải chịu 15.427.000đ. Công ty G không phải chịu án phí nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.355.000 đồng.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 351, 353, 357 và 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 24, Điều 50 Luật Thương Mại;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH G.

Buộc Công ty TNHH A phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH G số tiền 308.550.840 đồng, trong đó: Tiền gốc là 238.300.000 đồng, tiền lãi là 70.250.840 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty TNHH G yêu cầu Công ty TNHH A thanh toán tiền mua bán hàng 12.950.000 đồng, theo Hợp đồng mua bán số 20122020/HĐKT/KHANHAN-GREENTECH ngày 20/12/2020.

3. Án phí KDTM sơ thẩm: Công ty TNHH A phải chịu 15.427.000 đồng.

Hoàn lại cho Công ty TNHH G số tiền 8.355.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003298 ngày 12/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thị Huy Huệ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. QN;
- Lưu hồ sơ.